

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH ĐIỆN BIÊN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **67/2018/HSST**

Ngày: 17-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Văn Khanh**;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Cao Thị Hồng Minh**

Ông Lý A Hoi

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thương Huyền**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông **Lưu Ngọc Thắng** - Kiểm sát viên;

Ngày 17 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 69/2018/HSST ngày 26 tháng 6 năm 2018, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2018/HSST-QĐXX ngày 03 tháng 7 năm 2018 đối với:

Bị cáo: **LÊ XUÂN T** - Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 20 tháng 11 năm 1980, tại Điện Biên; Nguyên quán: tỉnh Thái Bình; Chỗ ở: xã P, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Lái xe tải; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Con ông: Lê Hồng T và con bà Đặng Thị L; Vợ: Cà Thị H; Con: 01 con sinh năm 2009.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 19/3/2018 đến ngày 28/3/2018, sau đó áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Trần Văn Nam** – sinh năm 1982. Địa chỉ: Số nhà 326, tổ dân phố 04, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo Lê Xuân T:

Vào hồi 17 giờ 30 phút ngày 19/3/2018, tổ công tác Công an thành phố Điện Biên Phủ làm nhiệm vụ tại khu vực tổ dân phố 10, phường Thanh Trường, thành phố Điện Biên Phủ, phát hiện Lê Xuân T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 27C – 022.04 có dấu hiệu phạm tội về ma túy. Tổ công tác đã yêu cầu T dừng xe, qua kiểm tra đã phát hiện thu giữ trong túi quần sau bên phải T đang mặc 01 gói nilon màu vàng, bên trong có 01 viên nén màu hồng và 01 gói giấy bạc màu vàng, bên trong có 01 cục chất bột thể rắn màu trắng đục. T khai viên nén màu hồng là Hồng phiến, cục chất bột thể rắn màu trắng đục là Heroine cất giấu để sử dụng. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng.

Quá trình điều tra bị cáo Lê Xuân T khai nhận số ma túy mà cơ quan Công an thành phố Điện Biên Phủ thu giữ là do bị cáo mua của một người thanh niên không quen biết tại khu vực ngã ba rẽ vào bản Xôm, xã Thanh An, huyện Điện Biên với giá 100.000 đồng.

Ngày 20/3/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Điện Biên Phủ gửi toàn bộ số ma túy thu giữ của bị cáo làm mẫu giám định và xác định khối lượng: Viên nén màu hồng có khối lượng 0,09 gam, chất bột màu trắng đục có khối lượng 0,07 gam.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các lời khai của bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang và vật chứng thu giữ; bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố.

2. Các vấn đề khác:

Kết luận giám định số 343/GĐ-PC54 ngày 26/3/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên có nội dung: Mẫu viên nén màu hồng gửi giám định là chất ma túy: Loại Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 67, Danh mục II, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013; Mẫu chất bột màu trắng gửi giám định là chất ma túy: Loại Heroine nằm trong danh mục các chất ma túy số thứ tự 20, Danh mục I, Nghị định 82 ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về kết luận Giám định nêu trên.

3. Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Cáo trạng số 37/CT-VKSTPĐBP ngày 25/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ truy tố bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm i khoản 1 Điều 249 BLHS. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; vật chứng vụ án đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, không áp dụng hình phạt bổ sung.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị nghị án: Bị cáo đã nhận thức rõ việc làm của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, đây là bài học cho bị cáo, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm có cơ hội trở về đoàn tụ với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

1. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2. Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Lời khai của bị cáo Lê Xuân T và của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ căn cứ xác định ngày 19/3/2018 bị cáo đã mua và cất giấu trái phép 0,09 gam Methamphetamine và 0,07 gam Heroine mục đích để sử dụng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, vi phạm pháp luật cần phải xử lý nghiêm. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội tàng trữ trái phép chất ma túy được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249/BLHS:

Khoản 1: “Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...i) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này”.

Hành vi trên của bị cáo Lê Xuân T được chứng minh tại: Biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang; Vật chứng thu giữ; Kết luận giám định, lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với nhau và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp nhằm mục đích sử dụng để thỏa mãn nhu cầu cá nhân; Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Từ những phân tích trên khẳng định Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ truy tố bị cáo về tội tàng trữ

trái phép chất ma túy theo Điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, bị cáo không bị oan, sai.

3. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo sinh ra và lớn lên tại tổ dân phố 20, phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ và được bố mẹ nuôi ăn học hết lớp 9/12 sau đó ở nhà phụ giúp gia đình. Năm 2005, bị cáo bị Công an huyện Điện Biên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, vận chuyển trái phép chất ma túy. T đã chấp hành xong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS cần được áp dụng đối với bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

4. Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 249/BLHS: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản"*. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy; Bị cáo lái xe thuê, thu nhập không ổn định, nghiện ma túy, cuộc sống gia đình bị cáo còn có nhiều khó khăn, không có khả năng thi hành nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

5. Về vật chứng vụ án:

Gồm có 0,05 gam Methamphetamine và 0,02 gam Heroine là vật chứng còn lại sau giám định; 01 mảnh giấy bạc màu vàng và 01 mảnh nilon màu vàng dùng để gói ma túy không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

6. Các vấn đề khác:

Bị cáo khai mua ma túy của người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ ở đâu, Cơ quan điều tra không có cơ sở điều tra làm rõ, Viện kiểm sát không truy tố, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bị cáo lái xe thuê cho Công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch vụ Hoàng Anh, việc bị cáo điều khiển xe ô tô đi mua ma túy Công ty không biết. 01 điện thoại itel màu đen và 677.000 đồng của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu. Hội đồng xét xử xét thấy việc trả lại tài sản cho bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đảm bảo đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

7. Án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Xuân T **12 (Mười hai)** tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 19/3/2018.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy 0,05 gam Methamphetamine và 0,02 gam Heroine là vật chứng còn lại sau giám định Nhà nước cấm lưu hành; 01 mảnh giấy bạc màu vàng và 01 mảnh nilon màu vàng dùng để gói ma túy không còn giá trị sử dụng.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/6/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên).

- Chấp nhận biên bản trao trả lại tài sản cho chủ sở hữu ngày 12/6/2018 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Điện Biên Phủ.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136/BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Lê Xuân T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/7/2018). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo về phần có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát NDTPĐBP;
- CQCSĐT Công an TPĐBP;
- Bị cáo;
- Nhà tạm giữ CATPĐBP;
- Công an trại giam;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Tòa án ND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Khanh